

CÔNG TY CỔ PHẦN B2B GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN B2B GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: B2B GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: B2B GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0110858023

3. Ngày thành lập: 10/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

A01- L74, Khu đô thị An Vượng Villa, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0562353986

Fax:

Email: cophanb2b@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
2.	Trồng cây chè	0127
3.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
4.	Khai thác và thu gom than non	0520
5.	Khai thác quặng sắt	0710
6.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
7.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
8.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
9.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
10.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
11.	Sản xuất chè	1076
12.	Sản xuất cà phê	1077
13.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã);	1079
14.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
15.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Không gồm sản xuất kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2420
16.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sàng lọc, tuyển quặng	2599
17.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610

18.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, lúa mì, ngô, hạt ngũ cốc khác; - Bán buôn hạt, quả có dầu; - Bán buôn hoa và cây; - Bán buôn thuốc lá lá; - Bán buôn động vật sống; - Bán buôn da sống và bì sống; - Bán buôn da thuộc; - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác, phế liệu, phế thải và sản phẩm phụ được sử dụng cho chăn nuôi động vật.	4620
19.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
20.	Bán buôn thực phẩm	4632
21.	Bán buôn đồ uống	4633
22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than các loại	4661
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không gồm sản xuất kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
28.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
29.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
30.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi, Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
31.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
34.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
35.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4789
36.	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Đại lý vận tải hành khách đường sắt	4912
37.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
39.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5012

40.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
41.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
44.	Bốc xếp hàng hóa	5224
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy; Dịch vụ Logistics; Môi giới thuê tàu biển, máy bay; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh dịch vụ vận tải hàng không)	5229
47.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
48.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
49.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
50.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
51.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ đấu giá)	6820
52.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
53.	Quảng cáo (trừ quảng cáo loại pháp luật cấm)	7310
54.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị trong lĩnh vực xây dựng, khai khoáng - Cho thuê máy xúc, máy ủi, xe lu	7730
55.	Đại lý du lịch	7911
56.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Không gồm các dịch vụ: đòi nợ, lấy lại tài sản, báo cáo tòa án và hoạt động đấu giá độc lập)	8299
58.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620

59.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn dinh dưỡng và thức ăn dinh dưỡng; Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền.	8699
60.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) (trừ hoạt động gây chảy máu)	9610
61.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÊ VĂN HUY	Phó Lý Thường Kiệt, Thị Trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	0200790000 61	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000		

2	BÙI THỊ THÚY ĐÀO	Tổ 29, Phường Pom Hán, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	275.000	2.750.000.000	55,000	0101830063 13	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	275.000	2.750.000.000	55,000		
3	BÙI ĐỨC THIÊN	Tổ 29, Phường Pom Hán, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	0100860060 30	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI THỊ THÚY ĐÀO

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 31/10/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 010183006313

Ngày cấp: 23/11/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 29, Phường Pom Hán, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 29, Phường Pom Hán, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội